

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

Số: 30/2020/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Giang, ngày 25 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Giá mua xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này là giá mua tối đa đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô chuyên dùng được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn vào giá mua để xác định tiêu chuẩn, định mức.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2020 và thay thế Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TT Thông tin-Công báo tỉnh;
- VnptiOffice;
- Lưu: VT, QTTV, CV: KTTH(2).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Giang)

TT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại	Số lượng tối đa (xe)	Mức giá tối đa (Triệu đồng/01 xe)	Nội dung công việc đặc thù
	Tổng số		223		
A	Khối tỉnh		100		
I	Ngành văn hóa, thể thao và du lịch		7		
1	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	Xe ô tô 29 chỗ	1	1.400	Chờ vận động viên
2	Đoàn Nghệ thuật tỉnh	Xe ô tô 39 chỗ	1	1.800	Chờ diễn viên
		Xe ô tô tải 05 tấn	1	410	Chờ thiết bị và trang phục
3	Bảo tàng tỉnh	Xe ô tô bán tải	1	800	Sưu tầm, tham gia triển lãm cổ vật
4	Thư viện tỉnh	Xe ô tô bán tải, tải nhỏ	1	800	Chờ sách và tuyên truyền
5	Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng	Xe ô tô chiếu phim lưu động	1	900	Tuyên truyền lưu động
6	Trung tâm Xúc tiến du lịch	Xe ô tô bán tải	1	800	Xúc tiến du lịch
II	Ngành giao thông		5		
1	Thanh tra sở Giao thông	Xe ô tô 7 chỗ có gắn biển hiệu	1	1.100	Phục vụ công tác kiểm tra đảm bảo TTATGT
		Xe ô tô 29 chỗ	1	1.400	Kiểm tra tải trọng (chưa bao gồm bộ cân lưu động)
		Xe ô tô bán tải	2	800	Phục vụ công tác kiểm tra đảm bảo TTATGT và xử lý vi phạm trên địa bàn tỉnh
2	Ban quản lý Dự án bảo trì đường bộ	Xe ô tô bán tải	1	800	Phục vụ công tác tuần kiểm (QĐ 718/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh, đơn vị tự cân đối nguồn mua sắm)
III	Ngành Khoa học công nghệ, Thông tin truyền thông và phát thanh truyền hình		6		
1	Đài Phát thanh truyền hình tỉnh	Xe ô tô truyền hình lưu động theo tiêu chuẩn truyền hình HD	1	Theo mức giá tại thời điểm mua sắm (bao gồm cả thiết bị)	Sản xuất, thu, phát các chương trình truyền hình về sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và tổ chức cầu truyền hình trên địa bàn tỉnh
		Xe ô tô truyền hình lưu động loại nhỏ	1		
		Xe ô tô bán tải	1	800	Chờ thiết bị
2	Trung tâm Thông tin và chuyển giao Công nghệ mới - Sở Khoa học công nghệ	Xe ô tô bán tải	1	800	Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ mới

TT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại	Số lượng tối đa (xe)	Mức giá tối đa (Triệu đồng/01 xe)	Nội dung công việc đặc thù
3	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng - Sở Khoa học công nghệ	Xe ô tô bán tải	1	800	Phục vụ công tác kiểm định lưu động
4	Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông - Sở Thông tin và truyền thông	Xe ô tô bán tải	1	800	Chờ thiết bị đào tạo, tập huấn và ứng cứu sự cố
IV	Ngành Nông nghiệp		32		
1	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Xe ô tô bán tải	1	800	Phục vụ công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn
2	Trung tâm Giống cây trồng và vật nuôi Phó Bảng	Xe ô tô bán tải	1	800	Phục vụ công tác ứng dụng KHKT trong sản xuất nông nghiệp
3	Trung tâm Khoa học kỹ thuật giống cây trồng Đạo Đức	Xe ô tô bán tải	1	800	Phục vụ công tác ứng dụng KHKT trong sản xuất nông nghiệp
4	Trung tâm Khuyến nông	Xe ô tô bán tải	1	800	Phục vụ tập huấn, ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật
5	Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Xe ô tô bán tải	1	800	Chờ tài liệu tuyên truyền, dụng cụ hỗ trợ công tác quản lý, vận hành công trình sau đầu tư tại xã
6	Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi	Xe ô tô bán tải	1	800	Kiểm tra, vận hành các công trình thủy lợi; xử lý, khắc phục kịp thời sự cố đảm bảo an toàn hệ thống công trình hồ
7	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Xe ô tô bán tải	1	800	Vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình thanh, kiểm tra phòng chống dịch trên cây trồng
8	Chi cục Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Xe ô tô bán tải	1	800	Kiểm tra công tác quy hoạch và bố trí, ổn định dân cư, di dân tái định cư.
9	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Xe ô tô bán tải	1	800	Tập huấn, tuyên truyền áp dụng các quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn về chất lượng an toàn thực phẩm sản phẩm nông lâm thủy sản, vật tư nông nghiệp
10	Ban quản lý rừng đặc dụng	Xe ô tô bán tải	4	800	Phục vụ công tác bảo vệ, PCCCR (01 xe/01 đơn vị)
11	Chi cục Chăn nuôi và thú y	Xe ô tô bán tải	1	800	Phục vụ công tác phòng, chống dịch
12	Chi cục Thủy lợi	Xe ô tô bán tải	1	800	Phục vụ công tác phòng chống thiên tai, bão lụt
13	Chi cục Kiểm lâm		17		
a	Văn phòng chi cục	Xe ô tô bán tải	1	800	Phục vụ công tác bảo vệ, PCCCR
b	Đội kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng	Xe ô tô bán tải	2	800	Phục vụ công tác bảo vệ, PCCCR (02 đội: 01 xe/01 đội)
c	Hạt kiểm lâm huyện/thành phố	Xe ô tô bán tải	11	800	Phục vụ công tác bảo vệ, PCCCR (01 xe/01 đơn vị)
d	Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng	Xe ô tô bán tải	3	800	Phục vụ công tác bảo vệ, PCCCR (01 xe/01 đơn vị)

TT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại	Số lượng tối đa (xe)	Mức giá tối đa (Triệu đồng/01 xe)	Nội dung công việc đặc thù
V	Ngành tài nguyên - Môi trường		2		
1	Chi cục Bảo vệ môi trường	Xe ô tô bán tải	1	800	Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường
2	Trung tâm Quan trắc môi trường	Xe ô tô bán tải	1	800	Chờ thiết bị, lấy mẫu quan trắc tại hiện trường
VI	Ngành lao động - thương binh xã hội		3		
1	Cơ sở chăm sóc và phục hồi chức năng người tâm thần - Cai nghiện ma túy	Xe ô tô cứu thương	1	750	Cấp cứu các đối tượng
2	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Xe ô tô bán tải	1	800	Phục vụ công tác truyền thông, tư vấn việc làm
3	Trường Trung cấp dân tộc nội trú - Giáo dục thường xuyên Bắc Quang	Xe ô tô bán tải	1	800	Chờ thiết bị dạy nghề lưu động các xã
VII	Văn phòng Tỉnh ủy	Xe ô tô 29 chỗ	1	1.400	Phục vụ đưa đón các đoàn khách đến làm việc
VIII	Văn phòng UBND tỉnh	Xe ô tô 29 chỗ	1	1.400	Đưa đón các đoàn đi công tác theo kế hoạch của tỉnh
IX	Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh		43		
1	Trường Cao đẳng Kỹ thuật và công nghệ		37		Xe tập lái (Xem xét điều chuyển xe ô tô từ các cơ quan, đơn vị vượt tiêu chuẩn, định mức, không bố trí kinh phí ngân sách tỉnh mua mới; trong trường hợp cần thiết phải trang bị mua mới, đơn vị tự cân đối nguồn và xin ý kiến của UBND tỉnh)
		Xe ô tô 5 chỗ (số sàn)	10	550	
		Xe ô tô 5-7 chỗ (số tự động)	6	650	
		Xe ô tô 7, 8 chỗ (số sàn)	9	800	
		Xe ô tô tải trên 3,5 tấn	3	700	
		Xe ô tô tải dưới 3,5 tấn	5	350	
Xe ô tô từ 16-30 chỗ ngồi	4	800			
1	Trung tâm Khuyến công và xúc tiến công thương	Xe ô tô bán tải	1	800	Chờ vật dụng phục vụ tổ chức phiên chợ, hội chợ, sự kiện xúc tiến thương mại,...
2	Trung tâm Pháp Y tỉnh	Xe ô tô bán tải	1	800	Chờ dụng cụ phục vụ công tác giám định pháp y
3	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Xe ô tô bán tải	1	800	Phục vụ công tác kiểm tra các công trình trên địa bàn tỉnh
5	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	Xe ô tô bán tải	1	800	Phục vụ công tác kiểm tra các công trình trên địa bàn tỉnh
6	Trung tâm Dịch vụ tư vấn và hạ tầng khu kinh tế - Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	Xe ô tô bán tải	1	800	Phục vụ công tác quản lý, khai thác và cung cấp các dịch vụ tại khu công nghiệp, khu kinh tế và các cửa khẩu trên
7	Chi cục Văn thư lưu trữ	Xe ô tô bán tải	1	800	Chờ tài liệu lưu trữ
B₃	Các huyện, thành phố				

TT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại	Số lượng tối đa (xe)	Mức giá tối đa (Triệu đồng/01 xe)	Nội dung công việc đặc thù
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân 11 huyện, thành phố	Xe ô tô bán tải	11	800	Phục vụ công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và đảm bảo giao thông trên địa bàn (01 xe/01 ĐV)
2	Trung tâm (Đội) Dịch vụ công cộng, vệ sinh môi trường	Xe ô tô ép, chõ rác	20	1.300	Vận chuyển rác thải (Định mức 02 xe/01 huyện)
		Xe ô tô phun nước rửa đường	10	1.150	Định mức 01 xe/01 huyện
		Xe ô tô tải gắn cầu có giỏ người làm việc trên cao	10	1.350	Cắt tỉa cây xanh (Định mức 01 xe/01 huyện)
3	Trung tâm Văn hóa thông tin và du lịch	Xe ô tô thông tin lưu động	11	900	Tuyên truyền lưu động
4	Các phường, thị trấn, xã vùng I + II (tính cho 01 đơn vị hành chính)	Xe tải nhỏ dưới 01 tấn	61	180	Phục vụ công tác trật tự đô thị hoặc công tác vệ sinh môi trường